座位号：_____

姓名：_____

机密★启用前

2021年4月高等教育自学考试全国统一考试

越语阅读

（课程代码　00848）

注意事项：

1．本试卷分为两部分，第一部分为选择题，第二部分为非选择题。

2．应考者必须按试题顺序在答题卡（纸）指定位置上作答，答在试卷上无效。

3．涂写部分、画图部分必须使用2B铅笔，书写部分必须使用黑色字迹签字笔。

第一部分　选择题

一、单项选择题：本大题共10小题，每小题1分，共10分。在每小题列出的备选项中只有一项是最符合题目要求的，请将其选出。

1．Ở Việt Nam, _____ là một loại chợ hiện đại.

A．chợ cóc　　B．siêu thị

C．chợ Hôm　　D．chợ xanh

2．Trong các cửa hàng đồ hiệu hầu hết là quần áo _____ .

A．đắt tiền　　B．rẻ tiền

C．bình dân　　D．cần thiết

3．Chương trình của chúng tôi đến đây là hết, cám ơn các bạn đã ____ theo dõi.

A．chú trọng　　B．quan ngại

C．quan tâm　　D．quan yếu

4．Vừa ăn cơm vừa nói chuyện là một _____ không tốt.

A．thử thách　　B．thói quen

C．quen thuộc　　D．quen biết

5．Người ở _____ có tập quán trồng lúa nước.

A．cao nguyên　　B．miền biển

C．miền núi　　D．đồng bằng

6．Tôi rất thích bộ áo dài này, nhưng vì ____ tiền nên chưa mua được.

A．không　　B．nhiều

C．thiếu　　D．giàu

7．Những người tài giỏi như anh là rất ____ .

A．cao　　B．thấp

C．khó　　D．hiếm

8．Cô ấy đang ____ , cô ấy không nên đi đám cưới.

A．có tang　　B．mất ngủ

C．đói　　D．cười

9．Ngôn ngữ ____ sử dụng trong hội nghị lần này là tiếng Trung và tiếng Việt.

A．chính đáng　　B．chính cống

C．chính thức　　D．chính hiệu

10．Máy bay hạ cánh xuống một sân bay nhỏ ____ thành phố 40Km.

A．xa　　B．cách

C．từ　　D．đến

二、判断题：本大题共15小题，每小题1分，共15分。判断下列各题正误，正确的在答题卡相应位置涂“A”，错误的涂“B”。

11．Việt Nam nằm ở khu vực Nam Á.

12．Việt Nam có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng, ẩm, mưa nhiều.

13．Xích lô Hà Nội đã có hơn ba trăm năm lịch sử.

14．Chợ Đồng Xuân là một chợ truyền thống chuyên bán những thứ đắt tiền.

15．Siêu thị hiện đại sẽ hoàn toàn thay thế những loại chợ truyền thống ở Hà Nội.

16．“Kết hôn thử” có nghĩa là đôi nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký hết hôn chính thức.

17．Gia đình hạt nhân tuy tự do nhưng cũng vất vả vì không được ông bà giúp.

18．Từ xưa đến nay, gạo là lương thực quan trọng nhất của người Việt.

19．Người đồng bằng Việt Nam chỉ có ngày cúng giỗ mới ăn xôi.

20．Người Pháp lần đầu tiên sản xuất bia hơi tại Việt Nam.

21．Nhiều ông chồng Hà Nội sau khi làm việc xong không về nhà ngay mà rủ bạn bè đi uống bia.

22．Lộc là một loại cây đặc biệt chỉ để người ta hái vào dịp Tết.

23．Người Việt Nam chỉ hái lộc vào đêm giao thừa.

24．Thị trấn Sa Pa nằm ở miền Tây Nam Việt Nam.

0848

25．Chủng loại động, thực vật ở Vịnh Hạ Long rất phong phú.

第二部分　非选择题

三、填空题：本大题共 10 小题，每小题 2 分，共 20 分。

26．Đồng bằng lớn nhất miền bắc Việt Nam là đồng bằng _____ .

27．Việt Nam nằm trong vùng khí hậu _____ .

28．Loại xích lô _____ chở khách du lịch, loại xích lô bình dân chở người thường và hàng hóa.

29．Gia vị quan trọng nhất của người Việt Nam là_____.

30．Khi trẻ con ăn xong, nếu _____vẫn chưa ăn xong, thì trẻ con cần phải mời một lần nữa .

31．Giao thừa là khoảng thời gian giao nhau giữa năm cũ và _____ .

32．Người Việt Nam thường cúng giao thừa vào khoảng _____ .

33．Để đến Việt Nam du lịch, bạn cần có một hộ chiếu có giá trị ít nhất _____ tháng.

34．Thị trấn Sa Pa nằm ở tỉnh _____ Việt Nam.

35．Năm 1994, Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là _____ .

四、中越文单词互译：本大题共 20 小题，每小题 1 分，共 20 分。

36．陆地

37．湿度

38．摩托车

39．农产品

40．批发

41．重视

42．婚礼

43．粮食

44．酱油

45．金属

46．rượu

47．âm lịch

48．kiêng kị

49．hộ chiếu

50．tiền mặt

51．dãy núi

52．trang phục

53．thế giới

54．quần đảo

55．đá vôi

五、简答题：本大题共 5 小题，每小题 7 分，共 35 分。用越文完成。

56．Việt Nam phía bắc, phía tây giáp những nước nào? Phía đông và nam giáp biển gì?

57．Hà Nội có những loại chợ truyền thống nào?

58．Ở Việt Nam, gia đình hạt nhân gồm hai thế hệ nào? Gia đình nhiều thế hệ thường gồm ba thế hệ nào?

59．Bữa ăn hàng ngày của người Việt Nam thường gồm ba món chính, đó là những món gì? Hãy cho thêm ví dụ.

60．Vào Tết Nguyên Đán, người Việt Nam có những yêu cầu gì đối với người xông nhà?